TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 55/2022/HS-ST
Ngày: 13-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị X.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Ông Lê Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị X Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 51/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi S, sinh năm: 1995 tại tỉnh Đồng Tháp; đăng ký thường trú: Khóm T, phường L, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Khu phố 2, phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đ, sinh năm: 1955 và bà Nguyễn H, sinh năm: 1958; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2021 đến ngày 25/12/2021; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn L, sinh năm: 2003; đăng ký thường trú: Tổ dân phố 8, thị trấn A, huyện S, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở: Khu phố 2, phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương - có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Bùi X, sinh năm: 1990; đăng ký thường trú: Khóm T, phường L, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Khu phố 2, phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương - vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Anh Nguyễn B, sinh năm: 1992; đăng ký thường trú: Thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai; tạm trú: Số 60, đường 9A, khu phố 1, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương - vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi S và Nguyễn L là bạn bè quen biết với nhau. S thường đến phòng trọ số 6, nhà trọ P thuộc khu phố 2, phường Tân Định, thị xã C, tỉnh Bình Dương của chị Nguyễn L chơi và để ý thấy chị Nguyễn L có để 01 chìa khóa dự phòng của xe mô tô hiệu Honda Vario 125, màu trắng cam đen, biển số 48B1-675.86 ở cửa sổ phòng trọ. Do đang thiếu nợ và không có tiền tiêu xài, vài ngày trước khi xảy ra sự việc, S lén lút lấy chìa khóa xe dự phòng của chị Nguyễn L nhằm mục đích khi nào có cơ hội thì sẽ lấy trộm xe đem cầm cố lấy tiền tiêu xài.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 14/12/2021, S điều khiển xe 48B1-675.86 chở Nguyễn L đi công việc về đến nhà trọ P thì S xuống xe đi đến phòng trọ của bạn ở đầu dãy trọ ngồi chơi. Lúc này, chị Nguyễn L dựng xe ở hành lang dãy trọ, hướng đầu xe vào trong, đuôi xe hướng ra ngoài, khóa cổ xe, bật chống trộm rồi đi vào trong phòng trọ. Đến khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, S đi về thì thấy xe mô tô 48B1-675.86 không có người trông giữ nên đã lén lút dùng chìa khóa dự phòng trộm được trước đó, mở công tắc xe rồi đẩy ra đường, điều khiển chạy đi tìm nơi tiêu thụ.

Trên đường đi, S dừng lại kiểm tra thấy trong cốp xe có 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn L, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 48B1-675.86. Lúc này, S gọi điện thoại cho anh ruột là Bùi X nói đang mượn xe của bạn đem đi cầm cố lấy tiền để chuộc xe mô tô của S, nếu không sẽ bị cửa hàng thanh lý xe và bị cha mắng, nhưng S không biết chỗ cầm xe nên nhờ X dẫn đi. X tin tưởng nên đến dẫn S đi đến tiệm cầm đồ Đức Liên Phát do ông Nguyễn Hữu B làm chủ cầm xe. Tại đây, X nói dối với anh B là xe mô tô 48B1-675.86 của vợ X tên Nguyễn L, do cần tiền gấp nên đem đi cầm cố, X đưa giấy tờ xe và chứng minh nhân dân của chị Nguyễn L để anh B kiểm tra. Anh B tin tưởng nên đồng ý cầm xe với số tiền 30.000.000 đồng. X ký giấy cầm xe, nhận tiền rồi đưa hết cho S. Tiền cầm xe có được, S tiêu xài và trả nợ hết.

Khi phát hiện mất xe, chị Nguyễn L đến Công an phường Đ, thị xã C trình báo.

Đến ngày 16/12/2021, Bùi S đến Công an phường Đ đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của S phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 22/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã C, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Vario 125, màu trắng cam đen, biển số 48B1-675.86 trị giá 42.170.000 đồng (bốn mươi hai triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ngày 25/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C đã xử lý vật chứng, giao trả cho chị Nguyễn L 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn L, 01giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 005948 của xe mô tô 48B1-675.86 và 01 xe mô tô hiệu Honda Vario 125, màu trắng cam đen, biển số 48B1-675.86. Chị Nguyễn L không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho S.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 21/02/2022, Bùi S đã trả lại số tiền 30.000.000 đồng cho anh Nguyễn Hữu B, anh B không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo.

Bản Cáo trạng số 60/CT-VKSBC ngày 25/3/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Bùi S về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C trình bày luận tội:

+ Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C tại Bản Cáo trạng số 60/CT-VKSBC ngày 25/3/2022;

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Bùi S từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

+ Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đã giải quyết xong.

Bị cáo không bào chữa, không phát biểu ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Bùi S: Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 40 phút, ngày 14/12/2021 tại nhà trọ Nga Phượng thuộc khu phố 2, phường Tân Định, thị xã C, tỉnh Bình Dương, Bùi S đã có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô hiệu Honda Vario 125, biển số 48B1-675.86 của chị Nguyễn L trị giá 42.170.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bản Cáo trạng số 60/CT-VKSBC ngày 25/3/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương.

Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân từ nguồn thu nhập hợp pháp nhưng vì tham lam, lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó đối với bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục.

[3.2] Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luật định là: Đã khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú; tài sản bị chiếm đoạt được thu hồi giao trả cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra cũng như nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô hiệu Honda Vario 125, màu trắng cam đen, biển số 48B1-675.86. Ngày 21/02/2022, bị cáo đã trả lại cho ông Nguyễn Hữu B số tiền 30.000.000

đồng. Bà Nguyễn L, ông B không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C đã giao trả cho bị hại Nguyễn L xe mô tô hiệu Honda Vario 125, màu trắng cam đen, biển số, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 005948, giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn L là phù hợp.

[7] Đối với ông Bùi X là người trực tiếp mang xe mô tô hiệu Honda Vario biển số 48B1-675.86 đi cầm cố và ông Nguyễn B là người nhận cầm cố tài sản: Ông X, ông B không biết xe 48B1-675.86 là do bị cáo S phạm tội mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông X, ông B là có cơ sở.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 136, Điều 260, Điều 299, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bùi S phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 16/12/2021 đến ngày 25/12/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đã giải quyết xong.

3. Về án phí: Bị cáo Bùi S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân